

Số: 341/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc định giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng
hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 121/TTr-SGTVT
ngày 30 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1. Định giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh
Đồng Nai như sau:**

1. Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô đối với vận tải khách theo tuyến
cố định (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng):

Đơn vị: đồng/ghé

Loại bến	Bến xe loại 1	Bến xe loại 2	Bến xe loại 3	Bến xe loại 4	Bến xe loại 5	Bến xe loại 6
Tuyến cố định có cự ly đến 300 km	4.800	4.500	4.200	3.900	3.600	3.300
Tuyến cố định có cự ly từ 301 km trở lên	5.900	5.600	5.300	5.000	4.700	4.400

Đối với xe giường nằm giá dịch vụ ra, vào bến xe ô tô được tính cộng thêm 10% của giá dịch vụ được quy định ở bảng trên. Số ghế ngồi hoặc giường nằm căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

2. Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô đối với tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá từ ngân sách Nhà nước (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng): 200 đồng/chỗ/chuyến xe. Số chỗ (gồm chỗ đứng và chỗ ngồi) căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

3. Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô đối với tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt không trợ giá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng):

$$\text{Giá dịch vụ ra, vào bến xe} = \sum \text{cự ly} * \text{đơn giá}$$

Trong đó, bảng đơn giá được xác định theo từng cự ly như sau:

STT	Cự ly	Đơn giá (đồng/km)	
		Xe buýt thường (từ B40 trở lên)	Xe buýt nhỏ (dưới B40)
1	Cự ly đến 30 km	450	= 70% đơn giá trung bình xe buýt thường B40 trở lên
2	Km từ 31 - 50	350	
3	Km từ 51 - 70	250	
4	Km từ 71 - 90	150	
5	Từ km 91 trở đi	100	

Ví dụ: Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô đối với tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt không trợ giá có cự ly 95 km được xác định như sau:

$$\text{Giá dịch vụ ra, vào bến xe, trạm xe} = 30 * 450 + 20 * 350 + 20 * 250 + 20 * 150 + 5 * 100 = 13.500 + 7.000 + 5.000 + 3.000 + 500 = 29.000 \text{ đồng/chuyến.}$$

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp Sở Giao thông vận tải trong công tác triển khai, hướng dẫn và tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Các đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe

a) Triển khai thực hiện giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô theo các nội dung quy định tại Quyết định này và thực hiện việc niêm yết giá theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

b) Chấp hành sự thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định và các quy định khác của pháp luật có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Tài chính, Tư pháp; Thủ trưởng các đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe, các đơn vị kinh doanh vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giao thông vận tải (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS (Hai.20b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức